

- Số qui: LP 85 + Phụ KHC  
- VP 85 đưa lên (COT) →  
Quy

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143 /2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 20 tháng 12 năm 2016

SỞ NN VÀ PTNT TỈNH LÀO CAI

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 49

Ngày 3 tháng 1 năm

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2017 - 2020**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2017 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 333/TTr-SNN ngày 19/12/2016.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2017 - 2020”.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 và thay thế Quyết định số 55/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về chính sách đặc thù khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về chính sách phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 6/10/2008 của UBND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 6/10/2008 của UBND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Kế hoạch và ĐT;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMT Tổ quốc, các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Công TTĐT tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.



**Đặng Xuân Phong**

## **QUY ĐỊNH**

**Về thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai, đoạn 2017 - 2020**  
(Kèm theo Quyết định số: **143** /2016/QĐ-UBND ngày **20** tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này Quy định về thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2017 - 2020, bao gồm:

a) Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp; các quy hoạch có liên quan đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản thuộc đề án “Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020”.

##### **2. Đối tượng áp dụng:**

a) Thực hiện theo Điều 1, Chương I và Điều 8, Chương II Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

- Các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân trong nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (gọi chung là người sản xuất) có các dự án hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp; các quy hoạch có liên quan đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản thuộc đề án “Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020”.

- Nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân liên quan đến triển khai thực hiện chính sách này.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hỗ trợ đầu tư là hình thức hỗ trợ một phần vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng theo quy định.

2. Hỗ trợ sau đầu tư là hình thức hỗ trợ mà nhà đầu tư (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng) tự đầu tư cho các nội dung theo quy định, sau đó Nhà nước nghiệm thu kết quả đầu tư và sẽ thanh toán phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách được quy định tại Quy định này.

3. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn của phường thuộc thành phố Lào Cai.

4. Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án đầu tư bao gồm những sản phẩm đặc thù quy định tại Điều 9, Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lào Cai, thực hiện tại địa bàn các huyện của tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

- Sản phẩm trồng trọt:
  - + Sản xuất lúa: Sóng Cù, Khẩu Nậm Xít, nếp Thảm Dương.
  - + Cây ăn quả: Mận Tam Hoa, mận Tả Van, lê VH6, đào Pháp chín sớm.
  - + Cây dược liệu: Atiso, Đương Quy, Tam thất, Sa Nhân tím.
  - + Phát triển vùng nguyên liệu chè chất lượng cao: Phục vụ chế biến sản phẩm chè tinh chế, chè ô long (các giống: Kim Tuyên, Ngọc Thuý, Hùng Đình Bạch, Ô long, ...).
  - + Phát triển vùng nguyên liệu cây gia vị: ớt.
  - + Sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao.
- Sản phẩm chăn nuôi, gồm: Sản xuất giống lợn Đen bản địa, giống trâu Bảo Yên, giống bò Vàng vùng cao.

5. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án đầu tư bao gồm những sản phẩm đặc thù quy định tại Điều 9, Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lào Cai, thực hiện trên địa bàn nông thôn của thành phố Lào Cai, cụ thể như các sản phẩm quy định tại Khoản 4, Điều này nêu trên.

6. Lao động địa phương là lao động có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện, thành phố của tỉnh Lào Cai nơi thực hiện dự án.

## **Điều 3. Thẩm quyền quyết định đầu tư**

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định đầu tư đối với các dự án có hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác thuộc thẩm quyền Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định.

2. Ủy ban Nhân dân huyện, thành phố quyết định đầu tư dự án sau khi có ý kiến thẩm định của các Sở chuyên ngành đối với dự án do ngân sách huyện, thành phố đảm bảo toàn bộ kinh phí.

#### **Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Nhà đầu tư khi xây dựng vùng nguyên liệu, có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ổn định với người dân được ưu tiên xem xét hỗ trợ, đầu tư trước.

2. Trong cùng một thời gian, nếu nhà đầu tư có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

#### **Điều 5. Cơ chế hỗ trợ**

1. Thực hiện với hai hình thức là hỗ trợ đầu tư và sau đầu tư phù hợp với từng nội dung hỗ trợ, phương thức hỗ trợ đã được quy định cụ thể tại Quy định này.

2. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư các nội dung, dự án hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ. Đối với các dự án không thuộc diện được hỗ trợ một lần: Khi hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án hoàn thành thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục, gói thầu; sau khi dự án hoàn thành đầu tư và nghiệm thu thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

## **Chương II CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**

### **Mục 1 MỨC HỖ TRỢ, ĐIỀU KIỆN VÀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ**

#### **Điều 6. Mức hỗ trợ trồng trọt, phát triển chăn nuôi, phát triển thủy sản, sản xuất tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Mức hỗ trợ trồng trọt, phát triển chăn nuôi, phát triển thủy sản, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được thực hiện theo Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Chương I, Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ phát triển trồng trọt

a) Trồng, chế biến chè chất lượng cao:

- Hỗ trợ trồng mới chè (Shan) và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản, mức 20 triệu đồng/ha;

- Hỗ trợ trồng mới và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản chè chất lượng cao phục vụ chế biến sản phẩm chè tinh chế, chè ô long (các giống: Kim Tuyên, Ngọc Thuý, Hùng Đỉnh Bạch, Ô long...), mức hỗ trợ 30 triệu đồng/ha.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất giống lúa tại tỉnh: Các hộ nông dân có ruộng trong vùng quy hoạch sản xuất hạt giống lúa được hỗ trợ một lần kinh phí chuyển đổi từ sản xuất lúa thối sang sản xuất lúa giống là 15 triệu đồng/ha/05 năm.

## 2. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi

### a) Hỗ trợ tiêm phòng gia súc, gia cầm:

- Đối với đàn đại gia súc (trâu, bò, ngựa): Hỗ trợ cấp không thu tiền các loại vắc xin đối với các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hỗ trợ công tiêm phòng các loại vắc xin 2.000 đồng/01 mũi tiêm.

- Đối với đàn lợn: Hỗ trợ cấp không thu tiền các loại vắc xin để tiêm phòng cho đàn lợn, đối với các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đối với gia cầm: Hỗ trợ cấp không thu tiền vắc xin cúm gia cầm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để tiêm phòng cho đàn gia cầm của các hộ, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Phòng bệnh dại: Hỗ trợ cấp không thu tiền vắc xin dại chó để tiêm phòng bệnh dại cho đàn chó trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh lở mồm long móng gia súc, bệnh tai xanh, dịch cúm gia cầm:

- Người sản xuất phải tiêu hủy gia súc, gia cầm do mắc dịch bệnh, vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy và trâu, bò bị chết phải tiêu hủy do phản ứng quá mẫn sau khi tiêm vắc xin, được hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- Hỗ trợ chi phí hóa chất khử trùng, tiêu độc chuồng trại, môi trường chăn nuôi; chi phí tiêu hủy gia súc, gia cầm mắc bệnh; tuyên truyền, kiểm tra, chỉ đạo, phòng chống dịch bệnh và chi phí khác phục vụ công tác chống dịch.

- Hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia nhiệm vụ phòng, chống dịch để thực hiện tiêu hủy gia súc, gia cầm, phun hóa chất khử trùng tiêu độc và làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm dịch. Mức chi bằng 100.000 đồng/người/ngày, đêm đối với ngày làm việc và 200.000 đồng/người/ngày, đêm đối với ngày nghỉ, ngày lễ, Tết.

### c) Hỗ trợ sản xuất giống vật nuôi:

- Hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên; cấp dụng cụ phối giống bò cho dẫn tinh viên đã qua đào tạo, có chứng chỉ. Mức hỗ trợ cụ thể theo dự toán được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt nhưng tối đa không quá 11 triệu đồng/01 dẫn tinh viên;

- Hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo: Mức hỗ trợ là 500.000 đồng/con bê ra đời, trong đó: chi hỗ trợ tiền công phối giống cho dẫn

ting viên với mức 200.000 đồng/con; hỗ trợ tiền tinh và Ni-tơ bảo quản tinh mức 300.000 đồng/con;

- Hỗ trợ nuôi lợn đực giống để khai thác tinh nhân tạo (quy mô tối thiểu 03con/cơ sở). Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở đăng ký mới đảm bảo các tiêu chuẩn quy định giống chuẩn Quốc gia;

d) Hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung:

- Đầu tư mới trang trại chăn nuôi: Hỗ trợ một phần kinh phí làm chuồng trại, vệ sinh môi trường, mua giống mới. Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/trang trại cho lần đầu được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chí trang trại theo quy định;

- Cơ sở chăn nuôi công nghiệp hoặc tập trung: Chăn nuôi lợn nái lai, ngoại sinh sản, quy mô thường xuyên tập trung từ 200 con lợn nái trở lên; chăn nuôi lợn thịt từ 2.000 con/năm; chăn nuôi gia cầm sản xuất giống từ 20.000 con/tháng hoặc nuôi gia cầm thịt với quy mô thường xuyên từ 30.000 con/lứa; chăn nuôi gia cầm đẻ trứng thương phẩm quy mô thường xuyên từ 20.000 con trở lên (gọi chung là cơ sở) được hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật, vệ sinh môi trường (Chuồng trại phải đảm bảo QCVN 01-14: 2010/BNNPTNT và QCVN 01-15: 2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi an toàn sinh học). Mức hỗ trợ 10% giá trị tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản và trang thiết bị, nhưng không quá 02 tỷ đồng/cơ sở;

- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung: Đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được ưu tiên bố trí mặt bằng sạch và hỗ trợ kinh phí để đầu tư trang thiết bị, vệ sinh môi trường (Cơ sở hạ tầng giết mổ đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 60/2010/TT-BNNPTNT và Thông tư số 61/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). Mức hỗ trợ 10% giá trị tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản và trang thiết bị, nhưng không quá 02 tỷ đồng/cơ sở.

### 3. Hỗ trợ phát triển thủy sản

Phát triển nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa: Mức hỗ trợ 05 triệu đồng/01 lồng đóng mới thể tích từ 20 m<sup>3</sup> trở lên ở địa phương được quy hoạch.

### 4. Hỗ trợ sản xuất tiêu chuẩn VietGAP

Người sản xuất đăng ký cơ sở sản xuất sản phẩm nông lâm sản, thủy sản đạt tiêu chuẩn, quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) thuộc danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 và các sản phẩm đặc thù của địa phương, như: Sản phẩm trồng trọt (Rau, quả, chè, lúa, nấm); Sản phẩm chăn nuôi (Lợn, gia cầm, ong); Sản phẩm thủy sản (Cá rô phi, cá hồi, cá tầm), được hỗ trợ:

a) Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm thủy sản áp dụng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/dự án.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ: Không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng bao gồm: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung; nhà xưởng, thiết bị chế biến, vật tư sản xuất. Mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng/1 dự án.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn theo các quy định hiện hành. Mức hỗ trợ không quá 600 triệu đồng/dự án.

d) Hỗ trợ một lần (100% kinh phí) đối với việc thuê tư vấn, tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Mức hỗ trợ không quá 45 triệu đồng/Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

## 5. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Hỗ trợ tích tụ đất sản xuất: Tổ chức, cá nhân hộ gia đình thực hiện tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với quy hoạch; có Phương án tích tụ đất đai được Ủy ban Nhân dân cấp xã (hoặc cấp huyện) phê duyệt. Được hỗ trợ kinh phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện tích tụ đất đai, mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Người sản xuất thực hiện dự án trồng rau, hoa ứng dụng công nghệ cao có quy mô tối thiểu 5.000 m<sup>2</sup> được ngân sách hỗ trợ 80.000 đồng/m<sup>2</sup> nhà lưới, nhà kính thông dụng và có sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm. Mức hỗ trợ tối đa 02 (hai) tỷ đồng/dự án.

## Điều 7. Điều kiện, phương thức hỗ trợ về trồng trọt

1. Trồng mới chè chất lượng cao (chè Shan, chè chất lượng cao phục vụ chế biến sản phẩm chè tinh chế, chè ô long, gồm các giống: Kim Tuyên, Ngọc Thúy, Hùng Đinh Bạch, Ô long...)

### a) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án trồng chè nguyên liệu chất lượng cao (chè Shan, chè chất lượng cao phục vụ chế biến sản phẩm chè tinh chế, chè ô long) được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Cây giống đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phải được mua từ các cơ sở có điều kiện và tư cách pháp nhân sản xuất kinh doanh giống.

- Diện tích chè trồng mới (đảm bảo kỹ thuật được nghiệm thu) và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản theo tiêu chuẩn ngành: 10 TCN 446-2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

c) Hồ đề nghị hỗ trợ

- Quyết định phê duyệt dự án trồng chè nguyên liệu chất lượng cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Biên bản nghiệm thu cây giống đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thành phần nghiệm thu gồm có: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố, Ủy ban Nhân dân cấp xã (gồm Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn), Ban Quản lý dự án phát triển vùng chè huyện, thành phố, trưởng thôn bản, đại diện người sản xuất.

- Các biên bản nghiệm thu kỹ thuật làm đất, nghiệm thu sau trồng, nghiệm thu công tác chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản đối với từng hộ. Thành phần nghiệm thu gồm có: phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố, Ủy ban Nhân dân cấp xã, Ban Quản lý dự án phát triển vùng chè huyện, thành phố, trưởng thôn bản, Khuyến nông xã /thôn bản và đại diện hộ.

- Danh sách các hộ dân tham gia dự án và cam kết thực hiện dự án có xác nhận của Ủy ban Nhân dân cấp xã; Danh sách ký nhận hỗ trợ (tiền, hiện vật) của các hộ; Chứng từ thanh toán, chi trả kinh phí hỗ trợ; Hóa đơn bán hàng theo quy định; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

## 2. Phát triển sản xuất giống lúa tại tỉnh Lào Cai

a) Điều kiện hỗ trợ: Người sản xuất ký hợp đồng sản xuất lúa giống với Trung tâm Giống nông lâm nghiệp tỉnh Lào Cai và cam kết thực hiện sản xuất ổn định 05 năm liên tiếp.

b) Phương thức hỗ trợ: Chi trả trực tiếp một lần sau khi người sản xuất thực hiện 05 năm sản xuất liên tiếp hoặc chi trả hỗ trợ mỗi năm 03 triệu đồng/1 ha trong 05 năm liên tiếp nếu người sản xuất có nguyện vọng và có đơn đề nghị.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Biên bản nghiệm thu diện tích sản xuất lúa giống của từng hộ qua từng vụ sản xuất. Thành phần nghiệm thu gồm có: phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, thành phố, Ủy ban Nhân dân cấp xã, trưởng thôn bản, đại diện hộ, đại diện Trung tâm giống Nông nghiệp tỉnh.

## **Điều 8. Điều kiện, phương thức hỗ trợ phát triển chăn nuôi**

### 1. Tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm

a) Phương thức hỗ trợ: Tổ chức hỗ trợ thông qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh thực hiện theo kế hoạch, dự toán giao hàng năm.

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thanh quyết toán theo quy định.

2. Phòng, chống dịch bệnh lở mồm long móng gia súc, bệnh tai xanh, dịch cúm gia cầm.

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 38.000 đồng/kg lợn hơi; 45.000 đồng/kg hơi đối với (trâu, bò, ngựa, dê, cừu, hươu, nai); 35.000 đồng/con gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng). Trường hợp giá bán gia súc, gia cầm có sự thay đổi lớn, giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định

điều chỉnh mức hỗ trợ nêu trên, tương đương 70% giá trị gia súc, gia cầm thương phẩm xuất bán trên thị trường.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Hỗ trợ phòng dịch: Theo kế hoạch, dự toán hàng năm được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Hỗ trợ chống dịch: Hỗ trợ trong thời gian có dịch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch và công bố hết dịch theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đối với trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm (chưa đủ điều kiện công bố dịch) theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan, Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch từ ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không vượt quá mức hỗ trợ theo quy định tại Quy định này.

c) Phương thức hỗ trợ

- Ngân sách huyện, thành phố chi trả cho các cơ sở, hộ chăn nuôi có gia súc, gia cầm bị tiêu hủy; chi trả công tiêu hủy gia súc, gia cầm mắc bệnh (gồm chi phí thực tế công đào lấp tiêu hủy, thuê phương tiện vận chuyển và hỗ trợ cho lực lượng của huyện, thành phố trực tiếp tham gia tiêu hủy, khử trùng tiêu độc); chi trả chế độ bồi dưỡng cho lực lượng trực chốt, tổ kiểm dịch và các chi phí phục vụ cho tổ chốt kiểm dịch do Ủy ban Nhân dân huyện, thành phố quyết định thành lập).

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ (thông qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y) chi mua hóa chất, chẩn đoán dịch bệnh, tuyên truyền, vắc xin (tai xanh), công tiêm phòng chống dịch và chỉ đạo phục vụ cho công tác phòng chống dịch; tổ chốt khi Ủy ban Nhân dân tỉnh có quyết định thành lập.

### 3. Sản xuất giống vật nuôi

a) Đào tạo dẫn tinh viên; cung cấp dụng cụ phối giống bò cho dẫn tinh viên đã qua đào tạo, có chứng chỉ.

- Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng được hỗ trợ đào tạo và dụng cụ dẫn tinh viên dưới 40 tuổi; đã hoàn thành chương trình Trung học cơ sở; có giấy chứng nhận đã qua đào tạo và có nhu cầu làm dịch vụ dẫn tinh viên, làm đơn và được Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận; Dụng cụ phối giống bò phù hợp quy định của địa phương và có cam kết bảo quản, sử dụng trong thời gian không ít hơn 05 năm.

- Phương thức hỗ trợ: Tổ chức thực hiện thông qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh theo dự toán được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Dự toán được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt; Chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo dẫn tinh viên của cơ sở đào tạo; Chứng từ thanh toán, hóa đơn bán hàng dụng cụ phối giống bò theo quy định; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

b) Cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.

- Điều kiện hỗ trợ: Có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Phương thức hỗ trợ: Chi trả hỗ trợ sau khi hoàn thành quá trình cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Quyết định phê duyệt phương án được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt; Biên bản kiểm tra xác nhận bê lai ra đời bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố; Trạm Chăn nuôi - Thú y; Ủy ban Nhân dân xã; Hộ gia đình; Danh sách ký nhận hỗ trợ thực hiện việc thụ tinh nhân tạo bò của các hộ; Chứng từ thanh toán, chi trả kinh phí hỗ trợ; Hóa đơn bán hàng theo quy định; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

c) Nuôi lợn đực giống để khai thác tinh nhân tạo.

- Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở nuôi lợn đực giống đảm bảo các quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, cung cấp tinh lợn cho thụ tinh nhân tạo; Quy mô mỗi cơ sở nuôi tối thiểu 3 con/1 cơ sở.

- Phương thức hỗ trợ: Chi trả hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành đầu tư mới cơ sở khai thác tinh nhân tạo (chuồng trại, lợn đực giống đủ tiêu chuẩn khai thác tinh, trang thiết bị chuyên dùng)

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng cơ sở đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định của từng hộ. Thành phần nghiệm thu gồm có: Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, thành phố, Trạm Chăn nuôi - Thú y huyện, thành phố, Ủy ban Nhân dân cấp xã, trưởng thôn bản, đại diện hộ; Danh sách ký nhận tiền hỗ trợ của từng hộ; Chứng từ thanh toán, chi trả kinh phí hỗ trợ; Hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

4. Phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

a) Xây dựng mới trang trại chăn nuôi.

- Điều kiện hỗ trợ: Giấy chứng nhận kinh tế trang trại được Ủy ban Nhân dân huyện, thành phố cấp; Trang trại chăn nuôi phải đảm bảo điều kiện quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần sau khi được cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo quy định.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận kinh tế trang trại được Ủy ban Nhân dân huyện, thành phố cấp; Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất để xây dựng trang trại. Đối với diện tích đất cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải được Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

b) Chăn nuôi công nghiệp hoặc tập trung.

- Điều kiện hỗ trợ: Có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; vị trí xây dựng cơ sở chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt; Cơ sở chăn nuôi phải đảm bảo điều kiện quy định về

bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm; Chuồng trại phải đảm bảo QCVN 01-14: 2010/BNNPTNT và QCVN 01-15: 2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi an toàn sinh học;

Dự án chăn nuôi có công suất hoạt động đảm bảo các tiêu chí sau: Cơ sở chăn nuôi lợn nái lai, ngoại sinh sản có quy mô thường xuyên 200 con trở lên; Cơ sở chăn nuôi lợn thịt có quy mô tối thiểu 2.000 con/1 năm; Cơ sở chăn nuôi gia cầm sản xuất giống tối thiểu 20.000 con/tháng hoặc nuôi gia cầm thịt với quy mô thường xuyên từ 30.000 con/lứa; Cơ sở chăn nuôi gia cầm đẻ trứng thương phẩm quy mô thường xuyên từ 20.000 con trở lên.

- Phương thức hỗ trợ: Cấp phát một lần kinh phí hỗ trợ cho chủ đầu tư sau khi dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, được cơ quan quản lý nhà nước nghiệm thu, phê duyệt quyết toán.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Giấy đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của Chủ cơ sở; Biên bản kiểm tra xác nhận dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, thành phố; cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện; Phòng Tài nguyên Môi trường; Trạm Chăn nuôi - Thú y; Ủy ban Nhân dân cấp xã; Chủ cơ sở.

#### c) Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

- Điều kiện hỗ trợ: Có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Vị trí xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phải phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phải đảm bảo điều kiện quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; Vệ sinh Thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm: Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phải đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Cơ sở hạ tầng giết mổ đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 60/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2010 và Thông tư số 61/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ lợn và gia cầm;

Công suất hoạt động đảm bảo các tiêu chí sau: Cơ sở giết mổ gia súc có công suất giết mổ từ 20 con/01 cơ sở/1 ngày đêm trở lên; Cơ sở giết mổ gia cầm có công suất giết mổ từ 200 con/01 cơ sở/1 ngày đêm trở lên; Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm có công suất giết mổ tối thiểu từ 20 con gia súc và 50 con gia cầm/01 cơ sở/1 ngày đêm.

- Phương thức hỗ trợ: Cấp phát một lần kinh phí hỗ trợ cho Chủ đầu tư dự án sau khi dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, được cơ quan quản lý nhà nước nghiệm thu, phê duyệt quyết toán.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Giấy đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của Chủ cơ sở; Biên bản kiểm tra xác nhận dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Thành phần ký biên bản kiểm tra gồm có: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, thành phố; cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện; Phòng Tài nguyên - Môi trường; Trạm Chăn nuôi - Thú y; Ủy ban Nhân dân cấp xã; Chủ cơ sở.

## **Điều 9. Điều kiện, phương thức hỗ trợ phát triển nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa**

1. Điều kiện hỗ trợ: Người sản xuất đầu tư nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa phù hợp với Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Lào Cai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Quy mô lồng nuôi cá có thể tích tối thiểu từ 20 m<sup>3</sup>/01 lồng trở lên.

Lồng nuôi cá phải đạt tiêu chuẩn: Hệ thống khung làm bằng sắt thép hoặc tre, gỗ; hệ thống phao đỡ bằng thùng phi nhựa, kim loại hoặc phao xốp có bọc; vách lồng làm bằng lưới nylon, lưới chất dẻo, hoặc lưới sắt, mắt lưới phải đảm bảo theo quy trình nuôi đối với từng loại cá.

2. Phương thức hỗ trợ: Cấp phát một lần kinh phí hỗ trợ sau khi lồng đóng mới hoàn thành, đưa vào sử dụng, được cơ quan quản lý nhà nước nghiệm thu.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Giấy đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của người sản xuất; Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng lồng cá đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định. Thành phần nghiệm thu gồm có: Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố; Ủy ban Nhân dân cấp xã; trưởng thôn bản; đại diện người sản xuất.

## **Điều 10. Điều kiện, phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP**

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Áp dụng VietGAP trong sản xuất sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận.

b) Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm.

c) Có dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí kèm theo dự toán chi tiết kinh phí đề nghị hỗ trợ; Quyết định phê duyệt dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Biên bản nghiệm thu khối lượng sản xuất sản phẩm nông lâm sản, thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP. Thành phần nghiệm thu gồm có: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố, Ủy ban Nhân dân xã, đại diện người sản xuất; Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

## **Điều 11. Điều kiện, phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

1. Tích tụ đất sản xuất

a) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân hộ gia đình thực hiện tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với quy hoạch; có Phương án tích tụ đất đai được Ủy ban Nhân dân cấp xã (hoặc cấp huyện) phê duyệt.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí tích tụ đất đai; Phương án tích tụ đất đai được phê duyệt; Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện tích tụ đất đai; Hóa đơn chứng từ liên quan đến chi phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện tích tụ đất đai; Biên bản xác nhận diện tích tích tụ đất đai của Ủy ban Nhân dân xã/phường.

2. Sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao

a) Điều kiện hỗ trợ: Người sản xuất thực hiện dự án trồng rau, hoa ứng dụng công nghệ cao có quy mô tối thiểu 5.000 m<sup>2</sup> nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của UBND tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt; Đảm bảo đạt tiêu chí về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí; Quyết định phê duyệt dự án trồng rau, hoa ứng dụng công nghệ cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Biên bản nghiệm thu khối lượng nhà kính, nhà lưới, hệ thống tưới tiết kiệm. Thành phần nghiệm thu gồm có: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố, Ủy ban Nhân dân cấp xã, đại diện người sản xuất.

## **Điều 12. Hỗ trợ phát triển lâm nghiệp**

1. Nội dung, mức hỗ trợ thực hiện theo Điều 7, Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ và phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

2. Điều kiện, phương thức và trình tự thủ tục hồ sơ đề nghị hỗ trợ giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan căn cứ vào các hướng dẫn của Trung ương xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng đối tượng.

## **Mục 2**

### **TRÌNH TỰC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, CẤP PHÁT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ**

#### **Điều 13. Hình thức hỗ trợ sau đầu tư**

1. Các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban Nhân dân cấp huyện, nhà đầu tư sau khi hoàn thiện các hạng mục đầu tư, hoàn tất hồ sơ, chứng

từ liên quan nộp về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Kinh tế phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện việc thẩm định và báo cáo Ủy ban Nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt, cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban Nhân dân tỉnh, nhà đầu tư sau khi hoàn thiện các hạng mục đầu tư, hoàn tất hồ sơ, chứng từ liên quan nộp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng phối hợp các ngành liên quan thực hiện việc thẩm định, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định.

#### **Điều 14. Hình thức hỗ trợ đầu tư**

1. Lập, thẩm định, phê duyệt, cấp phát và quyết toán kinh phí hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện phê duyệt

a) Lập kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ:

- Người sản xuất trên địa bàn huyện, thành phố đăng ký, lập dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách gửi Ủy ban Nhân dân cấp xã. Việc đăng ký lập dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ, lập dự toán kinh phí hỗ trợ phải căn cứ các quy định hiện hành. Hồ sơ đăng ký phải cụ thể về vị trí, quy mô, chủng loại sản xuất.

- Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, lập kế hoạch:

Trên cơ sở đăng ký của người sản xuất, Ủy ban Nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách đề nghị hỗ trợ hàng năm trên địa bàn (thời gian cùng với thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm kế tiếp) gửi phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, thành phố để tổng hợp trình Ủy ban Nhân dân huyện, thành phố xem xét, quyết định giao danh mục hỗ trợ cho người sản xuất khi có ý kiến bằng văn bản của các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.

Căn cứ danh mục hỗ trợ được Ủy ban Nhân dân cấp huyện giao, người sản xuất tiến hành đăng ký lập hồ sơ (đối với các hạng mục hỗ trợ không yêu cầu lập dự án), lập dự án gửi Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, thành phố.

b) Thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ, quyết định phê duyệt: Trên cơ sở hồ sơ, dự án của người sản xuất, Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính Kế hoạch tổng hợp dự toán kinh phí trình Ủy ban Nhân dân cấp huyện xin ý kiến thẩm định của các ngành (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư). Sau khi có ý kiến thẩm định của các Sở, Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, thành phố chủ trì, tổng hợp trình Ủy ban Nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ cho người sản xuất.

- Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ dự án của Ủy ban Nhân dân cấp huyện và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án của Phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố,

Phòng Tài chính xem xét trình Ủy ban Nhân dân cấp huyện giao kế hoạch vốn (phần ngân sách hỗ trợ) cho người sản xuất.

- Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung hỗ trợ theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành, gửi kết quả thẩm định về Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban Nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt.

- Phòng Tài chính thực hiện việc cấp phát kinh phí hỗ trợ, trình Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt, cấp phát và quyết toán kinh phí hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt

a) Lập kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ

- Người sản xuất trên địa bàn huyện đăng ký, lập dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách gửi Ủy ban Nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban Nhân dân cấp huyện). Việc đăng ký lập dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ, lập dự toán kinh phí hỗ trợ phải căn cứ các quy định hiện hành. Hồ sơ đăng ký phải cụ thể về vị trí, quy mô, chủng loại sản xuất.

- Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, lập kế hoạch

Trên cơ sở đăng ký của người sản xuất; các đơn vị trực tiếp triển khai (Ủy ban Nhân dân cấp huyện, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xây dựng kế hoạch hàng năm gửi các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 9 để thẩm định trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét quyết định giao danh mục phương án, dự án cho người sản xuất theo quy định.

Căn cứ danh mục phương án, dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh giao, người sản xuất tiến hành lập dự án, gửi các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư.

b) Thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ và quyết toán kinh phí

Trên cơ sở hồ sơ phương án, dự án của người sản xuất, các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ, kết quả thẩm định báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh để xem xét quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

- Căn cứ quyết định phê duyệt phương án, dự án của Ủy ban Nhân dân tỉnh và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện phương án, dự án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban Nhân dân tỉnh giao kế hoạch vốn (phần ngân sách tỉnh hỗ trợ) cho người sản xuất.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thẩm định về đối tượng hỗ trợ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành, gửi kết quả thẩm định về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì hướng dẫn lập dự án, thẩm định, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ từ việc cân

đổi, bố trí nguồn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ các chương trình/dự án phù hợp đối tượng được hỗ trợ theo quy định.

- Sở Tài chính chủ trì thẩm định dự toán (đối với phương án, dự án cân đối bố trí nguồn vốn do Sở Tài chính quản lý), trình Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự toán, cấp phát kinh phí và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

### **Chương III**

## **CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

### **Mục 1**

## **MỨC HỖ TRỢ, ĐIỀU KIỆN VÀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ**

**Điều 15. Mức hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc, đầu tư sản xuất sản phẩm trồng trọt**

Nội dung mức hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc, đầu tư sản xuất sản phẩm trồng trọt được thực hiện theo Điều 11, Điều 12, Chương II, Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

#### **1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc**

##### **a) Nội dung và mức hỗ trợ:**

- Dự án đầu tư sản xuất giống trâu Bảo Yên, bò Vàng vùng cao được hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, điện, nước, chuồng trại, đồng cỏ và mua thiết bị;

- Bảo tồn và phát triển giống lợn Đen bản địa: Hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/dự án chăn nuôi lợn nái sinh sản để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, điện, nước, chuồng trại và mua thiết bị;

##### **b) Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ:**

Nhà đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc quy mô nuôi tập trung, nằm trong quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc các dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận cho phép đầu tư;

- Quy mô nuôi tập trung: Đối với dự án sản xuất giống trâu Bảo Yên hoặc bò Vàng vùng cao có quy mô nuôi tập trung thường xuyên từ 200 con trở lên; Đối với dự án bảo tồn và phát triển giống lợn Đen bản địa, chăn nuôi lợn nái sinh sản có quy mô nuôi tập trung thường xuyên từ 100 con trở lên;

- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường;

- Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương/dự án.

## 2. Hỗ trợ đầu tư sản xuất sản phẩm trồng trọt

### a) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Dự án trồng lúa đặc sản (Séng Cù, Khâu Nậm Xít, nếp Thảm Dương) được hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 70% chi phí xây dựng và cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất; tổng mức hỗ trợ tối đa 02 (hai) tỷ đồng/dự án;

- Dự án trồng cây ăn quả (mận Tam Hoa, mận Tả Van, lê VH6, đào Pháp chín sớm) được hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 70% chi phí xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm, cải tạo, thiết kế vùng trồng mới; tổng mức hỗ trợ tối đa 01 (một) tỷ đồng/dự án;

- Dự án phát triển vùng nguyên liệu cây ốt được hỗ trợ 10 triệu đồng/ha trồng mới để mua giống, vật tư và xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm và mua thiết bị phục vụ sản xuất;

- Dự án trồng cây dược liệu (Atiso, Đương Quy, Tam thất, Sa Nhân tím) được hỗ trợ 15 triệu đồng/ha để xây dựng đồng ruộng, cây giống.

### b) Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

Nhà đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Dự án nằm trong quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc các dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận cho phép đầu tư;

- Dự án sản xuất sản phẩm trồng trọt có quy mô đảm bảo một trong các tiêu chí sau: Trồng lúa đặc sản phải có quy mô tập trung từ 100 ha trở lên; Trồng cây ăn quả phải có quy mô tập trung từ 50 ha trở lên; Phát triển vùng nguyên liệu cây ốt phải có quy mô từ 50 ha trở lên; Trồng cây dược liệu phải có quy mô từ 50 ha trở lên;

- Đảm bảo các an toàn về vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật;

- Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương/dự án.

## **Điều 16. Ưu đãi thuê đất, thuê mặt nước thực hiện dự án**

Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; hỗ trợ thuê đất, thuê mặt nước; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ được thực hiện theo Điều 1, Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

Các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân trong nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp, lâm

ng nghiệp, thủy sản (gọi chung là người sản xuất) có các dự án hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp; các quy hoạch có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản thuộc đề án “Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020”.

### **Điều 17. Đầu tư sản xuất chăn nuôi, sản xuất sản phẩm trồng trọt**

1. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

## **Mục 2**

### **TRÌNH TỰ LẬP KẾ HOẠCH HỖ TRỢ, LẬP DỰ TOÁN VÀ THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ**

### **Điều 18. Lập kế hoạch hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**

1. Việc lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm từ ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp và UBND các huyện, thành phố, cơ quan đơn vị liên quan thực hiện cùng thời điểm xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách theo quy định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính.

2. Căn cứ lập kế hoạch

a) Hướng dẫn của các cơ quan cấp trên về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và trung hạn.

b) Các dự án đã có Quyết định hỗ trợ đầu tư.

c) Khả năng hoàn thành của dự án theo tiến độ được phê duyệt.

3. Trình tự giao kế hoạch

a) Đối với các dự án đã được chấp thuận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp.

b) Sau khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định giao tổng mức vốn hỗ trợ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch chi tiết từng dự án và mức vốn cụ thể theo kế hoạch năm, kế hoạch trung hạn cho tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh thông báo công khai cho doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án được ưu đãi, hỗ trợ. Nội dung thông báo chi tiết đến vốn kế hoạch cho từng năm, hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án.

## **Điều 19. Lập dự toán, thanh toán, quyết toán**

### **1. Dự toán về kinh phí hỗ trợ**

Hàng năm các doanh nghiệp lập dự toán, Ủy ban Nhân dân cấp huyện tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ hợp tác xã, hộ nông dân gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Căn cứ kết quả thẩm định các nội dung chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp thẩm định dự toán trình Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định kinh phí hỗ trợ trực tiếp đến từng doanh nghiệp.

2. Các nội dung liên quan đến thanh toán các khoản kinh phí hỗ trợ: Theo hướng dẫn của Sở Tài chính

### **3. Quyết toán các khoản kinh phí hỗ trợ**

a) Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ chủ đầu tư dự án thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Các khoản kinh phí còn dư sau khi thực hiện dự án và quyết toán với cơ quan tài chính phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước.

## **CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì thẩm định trình Ủy ban Nhân dân tỉnh các dự án, kế hoạch về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh theo kế hoạch hàng năm và trung hạn.

d) Hàng năm chủ trì, phối hợp với Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố và các Sở ngành liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Chính sách cùng với Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở lập, thẩm định, phân bổ dự toán kinh phí triển khai thực hiện; thẩm định theo chuyên ngành và tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Phối hợp với các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để thống nhất lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chính sách trên đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

e) Hướng dẫn về quy mô, tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo thực hiện chính sách thiết thực, hiệu quả.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra và nghiệm thu hoàn thành các hạng mục; dự án hoàn thành.

h) Hàng năm tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, tính hiệu quả của các chính sách nông nghiệp; nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo.

i) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trình UBND tỉnh phê duyệt

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn do sở quản lý để thực hiện các chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT lập danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và tổ chức hội nghị khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn hoặc đưa vào chương trình hội nghị xúc tiến đầu tư của tỉnh (mỗi năm tổ chức Hội nghị một lần).

c) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan và Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố phân bổ kế hoạch đầu tư hàng năm; đồng thời thường xuyên tham gia kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện và báo cáo kết quả với Ủy ban Nhân dân tỉnh theo quy định.

d) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành liên quan hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện chính sách; thẩm định các dự án đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, cơ sở chăn nuôi công nghiệp và các dự án đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

## 3. Sở Tài chính

a) Căn cứ kế hoạch, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm định dự toán thực hiện; bố trí, phân bổ nguồn kinh phí chính sách nông, lâm nghiệp trong dự toán thu, chi ngân sách tỉnh hàng năm đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố đưa vào dự toán ngân sách cấp huyện hàng năm về kinh phí để thực hiện chính sách này; hướng dẫn kiểm tra việc thanh quyết toán vốn hỗ trợ của các đơn vị thực hiện và báo cáo kết quả với Ủy ban Nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

#### 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, ký hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước; trình Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với người sản xuất thực hiện đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

b) Chủ trì thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và giám sát việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường các nhà đầu tư theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

#### 5. Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này. Hướng dẫn các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch, lập dự án sản xuất nông, lâm nghiệp và Phê duyệt các dự án theo thẩm quyền. Huy động thêm các nguồn lực của địa phương và trong nhân dân để triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch, dự án đã được duyệt.

b) Hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp gửi Sở Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư.

c) Chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, nội dung. Tổ chức hỗ trợ, nghiệm thu, quyết toán nguồn kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành và phân cấp của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

d) Chủ động kiểm tra, giám sát chính sách hỗ trợ trên địa bàn; định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính.

#### 6. Ủy ban Nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này.

b) Tổ chức hướng dẫn tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đăng ký và tổng hợp lập kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng năm, đăng ký với Ủy ban Nhân dân huyện, thành phố; chịu trách nhiệm về xác nhận các điều kiện (quy mô, địa điểm, loại giống cây trồng, vật tư,...).

c) Thực hiện hỗ trợ kinh phí theo đúng chính sách và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quy định. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn.

d) Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

7. Các cơ quan liên quan khác: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện hiệu quả chính sách.

#### 8. Người sản xuất

a) Đăng ký chương trình dự án, lập dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ với cơ quan có thẩm quyền và thực hiện đúng các quy định nêu trên đối với người được hưởng hỗ trợ.

b) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả. Tuân thủ chặt chẽ quy trình, quy phạm kỹ thuật trong sản xuất.

c) Thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký đầu tư, hỗ trợ, thanh quyết toán theo hướng dẫn của các cơ quan liên quan.

### **Điều 21. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**Đặng Xuân Phong**

